TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG TRẠCH** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2017/HS-ST
Ngày: 30-11-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Dương Viết Hải.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông: Đoàn Ngọc Anh.
Ông: Trần Quang Trung.
- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Kim Dung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Quảng Trạch.
- Đại diệnViện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch tham gia phiên toà: Ông Phạm Văn Duẫn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Uỷ ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 36/2017/TLST-HS ngày 25 tháng 10 năm 2017 theo quyết định xét xử số 40/2017/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2017 đối với:

Bị cáo **Nguyễn Anh D,** sinh ngày 14/12/1978, tại xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chổ ở hiện nay: thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: 4/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức H và bà Lê Thị D1; có vợ: Nguyễn Thị Kim T và 02 con: cháu lớn sinh năm 2001, cháu nhỏ sinh năm 2014; tiền sự, tiền án: không; nhân thân: ngày 19/8/2015 bị Toà án nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Bình xử phạt Nguyễn Anh D 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội "Trộm cắp tài sản" tại bản án hình sự sơ thẩm số 28/2015/HSST, đã được xoá án tích; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/8/2017, có mặt.

- *Những người bị hại:*

1. Cháu Hoàng Thuỳ L, sinh ngày 22/01/2001; nơi đăng ký HKTT và chổ ở hiện nay: thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

- *Người đại diện hợp pháp cho cháu Hoàng Thuỳ L:* bà Nguyễn Mai Th; nơi đăng ký HKTT và chổ ở hiện nay: thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

2. Chị Ngô Thị H1, sinh năm 1975; nơi đăng ký HKTT và chổ ở hiện nay: thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

- *Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lê Thị D2; nơi đăng ký HKTT và chổ ở hiện nay: thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

2. Anh Lê Văn Q, sinh năm 1996; nơi đăng ký HKTT và chổ ở hiện nay: thôn D, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 30 phút, ngày 11/8/2017 Nguyễn Anh D điều khiển xe mô tô BKS 38N1-5830 (của mẹ là Lê Thị D1) sang nhà chị Nguyễn Mai Th để xin đá lạnh về uống. Khi đến nhà chị Th thấy cửa không khoá, không có người trông giữ, D đi vào trong nhà đến chổ tủ lạnh để lấy đá thì phát hiện thấy điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Neo 7 màu đen của cháu Hoàng Thuỳ L đang xạc điện trên tủ lạnh, nên đã nảy sinh ý định lấy trộm, D đã dùng tay rút xạc rồi lấy điện thoại bỏ vào túi quần của mình và đi về nhà.

Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, Nguyễn Anh D tiếp tục điều khiển xe mô tô trên đến quầy thuốc tây của chị Ngô Thị H để mua thuốc. Khi đến quầy thuốc D gọi chị H ra bán thuốc nhưng không có người trả lời. D đi vào nhà thì thấy chị H đang nằm ngủ trên giường, bên cạnh có chiếc điện thoại IPHON 5S màu vàng nhạt, D đã đến lấy điện thoại bỏ vào túi quần rồi điều khiển xe mô tô chạy về quán anh Phan Trọng H1 để ăn nhậu. Trong quá trình ăn nhậu, có anh Lê Văn Q cũng ngồi tại quán thấy D có điện thoại di động nên đến hỏi mua, D đồng ý bán điện thoại IPHON 5S cho anh Q với giá 1.100.000 đồng. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, D điều khiển xe mô tô đến nhà anh Võ Thanh L, khi đến anh L đang làm vườn nên D đi vào nhà và cất dấu diện thoại OPPO Neo7 dưới nệm giường ngủ của anh L mà không nói cho anh L biết. Sau đó D điều khiển xe chạy sang nhà bạn tiếp tục nhậu đến chiều tối thì Công an mời D đến làm việc và thu giữ chiếc điện thoại OPPO Neo7 mà D cất dấu tại nhà anh L.

Quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q đã thu giữ 01 xe mô tô nhãn hiệu TELLO, BKS 38N1-5830; 01 điện thoại hiệu OPPO Neo 7 màu đen; 01 điện thoại nhản hiệu IPHON 5S màu vàng nhạt. Ngày 06/10/2017 cơ quan CSĐT ra quyết định xử lý vật chứng số 89/CSĐT, trả lại các vật chứng đã thu giữ các cho chủ sở hữu hợp pháp.

Tại kết luận định giá tài sản số 27/KL-ĐG ngày 15/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Q kết luận: 01 điện thoại hiệu OPPO Neo 7 màu đen có trị giá 2.392.000 đồng; 01 điện thoại nhản hiệu IPHON 5S màu vàng nhạt có trị giá 3.247.500 đồng. Tổng giá trị tài sản mà D chiếm đoạt của cháu L và chị H là 5.639.500 đồng.

Tại phiên toà bị cáo Nguyễn Anh D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, nhất trí với quan điểm truy tố của Viện kiểm sát về tội danh, điều, khoản và các tình tiết tăng nặng, giảm

nhẹ trách nhiệm hình sự như đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình và hoà nhập cộng đồng.

Các bị hại chị H, cháu L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà D1, anh Q đều khai nhận sự việc xảy ra đúng như bị cáo khai trước phiên toà. Các bị hại và bà D1 đã nhận lại đầy đủ tài sản nên không ai có ý kiến, yêu cầu gì thêm. Các bị hại đều có đơn xin bãi nại giảm nhẹ tội cho bị cáo D.

Riêng anh Lê Văn Q có ý kiến cho rằng việc anh mua lại điện thoại của bị cáo là ngay thẳng, anh không biết chiếc điện thoại mà bị cáo bán cho anh là do trộm cắp mà có nên anh đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử buộc bị cáo phải trả lại số tiền 1.100.000 đồng cho anh. Bị cáo D nhất trí trả lại số tiền 1.100.000 đồng cho anh Q.

Quá trình điều tra, cũng như tại phiên toà bị cáo, các bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản.

Bản cáo trạng số 36/VKS-KT ngày 23/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Q đã truy tố bị cáo Nguyễn Anh D về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự. Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng. Đã xem xét đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện và các tình tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử dụng khoản 1 Điều 138; các điểm g, p khoản 1; khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 12 đến 15 tháng tù; về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự và Điều 589 Bộ luật Dân sự, xử buộc bị cáo D trả lại số tiền 1.100.000 đồng cho anh Q; về xử lý vật chứng: Đã giải quyết trong quá trình điều tra, tại phiên toà không ai có ý kiến, yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, Bị cáo, các bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo Nguyễn Anh D đã khai nhận. Ngày 11/08/2007, lợi dụng nhà chị Nguyễn Mai Th và nhà chị Ngô Thị H không đóng cửa, người trong nhà đi vắng và đang ngủ nên đã lén lút đột nhập vào nhà chị

Th lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu OPPO Neo 7 của cháu L trị giá 2.392.000 đồng và vào nhà chị H lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu IPHON 5S trị giá 3.247.500 đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 5.639.500 đồng đưa đi bán lấy tiền phục vụ mục đích tiêu xài của bản thân. Lời khai nhận của bị cáo là hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người bị hại và diễn biến quá trình thực hiện hành vi phạm tội, vật chứng đã thu giữ, cũng như các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Anh D phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự, đúng như tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Q đã truy tố, quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát và ý kiến tranh luận của bị cáo, những người tham gia tố tụng tại phiên toà.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thấy:

Bị cáo là người đã có gia đình vợ con, có sức khoẻ và đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đã từng bị Toà án xử phạt 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội "Trộm cắp tài sản" nhưng không lấy đó làm bài học kinh nghiệm để tự răn đe, giáo dục bản thân, mà do không chịu tu chí làm ăn, thiếu ý thức tu dưỡng rèn luyện, coi thường và bất chấp pháp luật, chây lười lao động, thích chơi bời, lêu lổng và hưởng thụ từ công sức, thành quả lao động của người khác nên khi thấy có sự sơ hở của gia đình người khác là bị cáo lấy trộm tài sản nhằm phục vụ cho mục đích của bản thân. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật Nhà nước bảo vệ, ngoài ra còn gây bất bình trong dư luận, ảnh hưởng đến trật tự trị an xã hội. Bị cáo được xoá án tích chưa bao lâu, nhưng trong một thời gian ngắn đã hai lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Vì vậy, cần áp dụng điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự để tăng nặng trách nhiệm hình sự, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra và đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tài sản chiếm đoạt đã thu hồi kịp thời và trả lại cho những người bị hại đầy đủ nên thiệt hại xảy ra không lớn; gia đình bị cáo có các con còn nhỏ, vợ không có việc làm nên hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là lao động chính; những người bị hại có đơn bãi nại đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ tội cho bị cáo. Do đó, cần cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, để bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của pháp luật Nhà nước ta mà tự giác cải tạo, rèn luyện mình sớm trở thành người Công dân lương thiện có ích cho xã hội và gia đình.

[3] Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra đã xử lý. Tại phiên toà không ai có ý kiến, yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại chị H, cháu L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà D1 đã nhận lại tài sản đầy đủ, không ai có ý kiến yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

Xét yêu cầu của anh Q thấy: Việc anh Q mua lại điện thoại của bị cáo là ngay thẳng, anh không biết tài sản đó do bị cáo phạm tội mà có nên nghỉ cần buộc bị cáo phải trả lại số tiền 1.100.000 đồng cho anh Q là phù hợp Điều 42 Bộ luật Hình sự và Điều 589 Bộ luật Dân sự.

[5] Bị cáo Nguyễn Anh D phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm. Bị cáo, các bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Anh D phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ vào khoản 1 Điều 138; các điểm g, p khoản 1; khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Anh D 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 12 tháng 8 năm 2017).

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 42 Bộ luật Hình sự và Điều 589 Bộ luật Dân sự, xử buộc bị cáo Nguyễn Anh D phải bồi thường cho anh Lê Văn Q số tiền 1.100.000 đồng *(Một triệu một trăm nghìn đồng)*.

3. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 99 Bộ luật Tố tụng Hình sự và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Xử buộc bị cáo Nguyễn Anh D phải chịu 200.000 đồng *(hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai. Báo cho bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Những người vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc Toà án niêm yết bản án công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Q;
- Công an huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q;
- THA phạt tù;
- Bị cáo và những người TGTT;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Dương Viết Hải